

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 9 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, việc thi hành các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm quy định về chào bán, phát hành tài sản mã hóa;
- b) Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;
- c) Vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;
- d) Vi phạm quy định về chuyển tiền của nhà đầu tư nước ngoài;
- đ) Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa;
- e) Các vi phạm khác trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa được quy định tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam, cá nhân có quốc tịch Việt Nam và tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài, cá nhân có quốc tịch nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Tổ chức phát hành tài sản mã hóa;
- b) Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;
- c) Tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam và tổ chức thành lập theo pháp luật nước ngoài tham gia đầu tư tài sản mã hóa và hoạt động trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam trong phạm vi quy định tại Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam;
- d) Tổ chức khác có liên quan đến hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại Việt Nam.

3. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;

b) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa; hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây theo quy định cụ thể tại Chương II Nghị định này:

a) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin hoặc buộc công bố thông tin theo quy định; Buộc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp hoặc khoản thu trái pháp luật có được do thực hiện hành vi vi phạm;

c) Buộc gỡ bỏ hoặc buộc ngừng một phần hoặc toàn bộ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm.

Điều 4. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

1. Tổ chức, cá nhân chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa khi có hành vi vi phạm hành chính về tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm nhiều lần các hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì bị xử phạt về từng hành vi, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định này thì áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm hành chính nhiều lần.

3. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền:

a) Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là 200.000.000 đồng đối với tổ chức, 100.000.000 đồng đối với cá nhân.

d) Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này được áp dụng đối với tổ chức. Trường hợp cá nhân có hành vi vi phạm như của tổ chức thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

Điều 6. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm

1. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 8 và Điều 11 Nghị định này, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng trả lại hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 7. Vi phạm quy định về chào bán, phát hành tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa vi phạm quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với tài sản làm cơ sở cho phát hành tài sản mã hóa.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa không bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, không gây hiểu nhầm về các thông tin cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa không thực hiện đúng theo các thông tin công bố tại Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa.

4. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức phát hành tài sản mã hóa thực hiện một số hành vi vi phạm sau:

a) Chào bán, phát hành tài sản mã hóa cho đối tượng không đúng quy định;

b) Chào bán, phát hành tài sản mã hóa khi không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ;

c) Không công bố thông tin Bản cáo bạch chào bán, phát hành tài sản mã hóa và các tài liệu khác có liên quan trên trang thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, trang thông tin của tổ chức phát hành theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc công bố thông tin theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với nhà đầu tư trong nước giao dịch tài sản mã hóa không thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa do Bộ Tài chính cấp phép.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại Việt Nam không thực hiện công bố thông tin về ngày chính thức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính, trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp trong thời hạn quy định.

3. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại Việt Nam không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 4 Điều 12 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ khi bị Bộ Tài chính thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

4. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại Việt Nam không thực hiện nộp hồ sơ điều chỉnh Giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ.

5. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến tài sản mã hóa tại Việt Nam khi chưa được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;

b) Quảng cáo, tiếp thị liên quan đến tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa;

c) Hoạt động không đúng nội dung quy định trong giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;

b) Buộc gỡ bỏ hoặc buộc ngừng một phần hoặc toàn bộ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.

c) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa

1. Cảnh cáo đối với tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không thực hiện trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại điểm i khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không đăng tải các quy trình quy định tại các điểm b, c, d, g và k khoản 6 Điều 8 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ, báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo vốn điều lệ đã góp được kiểm toán tại thời điểm gần nhất quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp, trang thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa không thực hiện xác minh danh tính nhà đầu tư mở tài khoản.

4. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa tại khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ;

b) Không bảo đảm thông tin quảng cáo, tiếp thị chính xác, đầy đủ, rõ ràng, không gây hiểu lầm.

5. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không quản lý tách biệt tiền, tài sản mã hóa của khách hàng với tiền, tài sản mã hóa của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa;

b) Không giám sát hoạt động giao dịch tài sản mã hóa; không báo cáo Bộ Tài chính trong trường hợp có thông tin liên quan đến doanh nghiệp ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

c) Không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin; không bảo vệ tài sản của khách hàng;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại các điểm k, l, n, o, p và q khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ.

6. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ;

b) Không đảm bảo tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các hồ sơ nộp cho cơ quan quản lý.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc công bố thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về chuyển tiền của nhà đầu tư nước ngoài

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với nhà đầu tư nước ngoài vi phạm quy định về việc mở, sử dụng tài khoản thanh toán để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 13 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ.

2. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với nhà đầu tư nước ngoài không đảm bảo tính xác thực, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp cho ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng; không đảm bảo kê khai trung thực, đầy đủ nội dung giao dịch liên quan đến mua, bán tài sản mã hóa tại Việt Nam.

3. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về trách nhiệm quy định tại các điểm a, b và c khoản 7, khoản 9 Điều 13 Nghị quyết số 05/NQ-CP ngày 09/9/2025 của Chính phủ.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

Tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, ngân hàng được phép nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản chuyên dùng thực hiện hành vi vi phạm quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt liên quan đến tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT, LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH, ÁP DỤNG HÌNH THỨC XỬ PHẠT BỔ SUNG, BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ ĐỐI VỚI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI SẢN MÃ HÓA VÀ THỊ TRƯỜNG TÀI SẢN MÃ HÓA

Điều 12. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Trưởng đoàn thanh tra Thanh tra Chứng khoán Nhà nước có quyền:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Giám đốc Sở Tài chính, Chánh Thanh tra Chứng khoán Nhà nước, Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực, Trưởng đoàn kiểm tra do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thành lập có quyền:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;
- d) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa; hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao gồm: Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

- a) Cảnh cáo;
- b) Phạt tiền tối đa đến 160.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 80.000.000 đồng đối với cá nhân;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;

d) Đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa; hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa có thời hạn từ 01 tháng đến 12 tháng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

4. Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Giám đốc công an cấp tỉnh; Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập; Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 200.000.000 đồng đối với tổ chức và phạt tiền tối đa đến 100.000.000 đồng đối với cá nhân;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 13. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa

1. Trường đoàn Thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra, kiểm tra trong thời hạn thanh tra, kiểm tra. Trường hợp hết thời hạn thanh tra, kiểm tra mà chưa thể ra quyết định xử phạt vì lý do khách quan, thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để xử phạt.

2. Trường hợp vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Trường hợp hình thức, mức tiền phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt đang xử lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan, người có thẩm quyền để xử phạt.

4. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh quy định tại Điều 12 Nghị định này cụ thể như sau:

a) Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chánh Thanh tra Chứng khoán Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các chức danh thuộc lực lượng Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này; trừ hành vi vi phạm quy định tại Điều 10 Nghị định này;

b) Các chức danh thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định này.

Điều 14. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Những người sau đây có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài sản mã hóa và thị trường tài sản mã hóa:

1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Công chức ngành tài chính, công chức ngành ngân hàng, người thuộc lực lượng Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Điều 15. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa

1. Khi áp dụng hình thức đình chỉ có thời hạn hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa tại Việt Nam quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 12 Nghị định này ra quyết định đình chỉ có thời hạn đối với toàn bộ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa trên thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam của tổ chức vi phạm. Tổ chức vi phạm phải dừng ngay toàn bộ hoạt động chào bán, phát hành tài sản mã hóa đang thực hiện và không được thực hiện các đợt chào bán, phát hành tài sản mã hóa mới tại Việt Nam trong thời hạn bị đình chỉ hoạt động.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 16. Áp dụng hình thức đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa

1. Khi áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 12 Nghị định này có quyền ra quyết định đình chỉ có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa của tổ chức vi phạm.

2. Trường hợp chỉ ra quyết định đình chỉ có thời hạn một hoặc một số hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa thì người có thẩm quyền quy định tại Điều 12 Nghị định này phải ghi rõ trong quyết định xử phạt về hoạt động bị đình chỉ, thời hạn đình chỉ và hiệu lực thi hành của quyết định đình chỉ.

3. Trường hợp bị đình chỉ có thời hạn hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa, tổ chức bị xử phạt phải dừng ngay một phần hoặc toàn bộ hoạt động cung cấp dịch vụ tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa được ghi trong quyết định xử phạt, kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi quyết định xử phạt cho tổ chức bị xử phạt, các tổ chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 17. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

1. Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này là tối đa 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả có hiệu lực thi hành. Trong trường hợp bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin, tổ chức vi phạm phải công bố về việc hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin trên 01 tờ báo điện tử và trên trang thông tin điện tử của mình. Tổ chức vi phạm khi thực hiện hủy bỏ thông tin, cải chính thông tin phải đồng thời báo cáo Bộ Tài chính về thông tin hủy bỏ và thông tin được cải chính.

2. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định này là số lợi mà tổ chức, cá nhân có được từ việc hoạt động tổ chức thị trường giao dịch tài sản mã hóa thông qua việc cung cấp nền tảng hoặc hệ thống cơ sở hạ tầng để trao đổi thông tin, tập hợp lệnh mua, bán, giao dịch tài sản mã hóa và thanh toán giao dịch tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép hoặc có được từ việc mua hoặc bán tài sản mã hóa cho chính tổ

chức cung cấp dịch vụ tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép hoặc có được từ việc cung cấp các dịch vụ tài sản mã hóa khi chưa được cấp giấy phép, được xác định trên cơ sở hợp đồng hoặc thỏa thuận giữa tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và tổ chức, cá nhân khác.

Thời hạn thực hiện biện pháp buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp hoặc khoản thu trái pháp luật có được do thực hiện hành vi vi phạm là tối đa 60 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

3. Thời hạn thực hiện biện pháp buộc gỡ bỏ hoặc buộc ngừng một phần hoặc toàn bộ trang thông tin điện tử, phần mềm, hệ thống giao dịch và các trang thiết bị khác được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm là tối đa 30 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp này có hiệu lực thi hành.

4. Tổ chức vi phạm phải báo cáo người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt về kết quả thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Điều 18. Công bố công khai việc xử phạt vi phạm hành chính

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền từ 50.000.000 đồng trở lên hoặc bị áp dụng một trong các hình thức xử phạt bổ sung hoặc biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định này sẽ bị công bố công khai thông tin về vi phạm hành chính.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều này, quyết định xử phạt phải được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt.

3. Nội dung công bố công khai bao gồm: Họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân, quốc tịch của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt; biện pháp khắc phục hậu quả và thời gian thực hiện.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20...

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- TANDTC; VKSNDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính